

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BL
TỈNH LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HC-ST

Ngày: 23/4/2019

“V/v khiếu kiện hành vi hành
chính trong lĩnh vực cấp giấy
chứng nhận quyền sử dụng
đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BL, TỈNH LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Cường.

2. Ông Dương Thị Sáu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh LA.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh LA tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lan Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh LA xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2018/TLST-HC ngày 24/9/2018 về việc “Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-HC ngày 05 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Phan T B, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Ấp 1, xã NC, huyện BL, tỉnh LA.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phạm Thị L – Văn phòng Luật sư Nguyễn Hòa Bình thuộc Đoàn luật sư tỉnh LA.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân xã NC, huyện BL, tỉnh LA.

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Đặng Thanh Phương – Chủ tịch.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phan Thị Thu Tr, sinh năm 1964.

2. Ông Phan Phương T, sinh năm 1989.

Người đại diện theo pháp luật của bà Tr, ông T: Ông Phan T B, sinh năm 1952.

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã NC, huyện BL, tỉnh LA.

(Ông B, Luật sư L có mặt; ông Phương vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện án hành chính đề ngày 31/8/2018, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người khởi kiện Phan T B trình bày: Phần đất có diện tích 2.035m² thuộc thửa số 07, 09 tờ bản đồ số 2, tọa lạc ấp 1, xã NC, huyện BL, tỉnh LA trước đây bà Nguyễn Thị Đầu sử dụng, sau đó ông sử dụng và đóng thuế từ trước năm 1996 đến năm 2012.

Hiện gia đình ông vẫn sử dụng phần đất này ổn định từ trước đến nay nhưng khi đề nghị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Ủy ban nhân dân xã NC không thực hiện và cho rằng phần đất này là đất công theo Quyết định số 535/QĐ-UB ngày 19/9/1996. Mặc dù, Quyết định số 535/QĐ-UB thu hồi phần đất hiện ông xin cấp giấy chứng nhận nhưng trên thực tế Ủy ban nhân dân các cấp không tổ chức thu hồi, vẫn để người dân sử dụng ổn định từ trước đến nay. Mặt khác, Quyết định số 535/QĐ-UB được công bố lại cho ông biết vào ngày 09/11/2007.

Nay ông yêu cầu Tòa án:

+ Hủy hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân xã NC là Biên bản trả lời đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/4/2018;

+ Buộc Ủy ban nhân dân xã NC phải tiến hành làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông đối với phần đất có nhà, cây ăn trái và hòa màu mà gia đình ông đang quản lý sử dụng.

- *Tại Công văn số 484/UBND-TP ngày 16/10/2018, ông Đặng Thanh Phương – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã NC, huyện BL trình bày:*

+ Đối với yêu cầu khởi kiện: “Hủy hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân xã NC, huyện BL, tỉnh LA là việc ban hành văn bản trả lời đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B vào ngày 11/4/2018”, Ủy ban nhân dân xã NC có ý kiến như sau: Từ tháng 11 đến tháng 12/2017 ông Phan T B, sinh năm 1952, địa chỉ: ấp 1, xã NC, huyện BL, tỉnh LA có gửi đơn kiến nghị xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở nhiều nơi (Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh LA, Ủy ban nhân dân huyện BL, Ủy ban nhân dân xã NC) kèm theo đơn kiến nghị xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ có các biên lai nộp thuế nông nghiệp và đơn tay. Ủy ban nhân dân xã NC nhận được văn bản chuyển đơn của các cơ quan cấp trên và chỉ đạo kiểm tra, xác minh, giải quyết nội dung kiến nghị của công dân theo quy định pháp luật.

Qua rà soát, kiểm tra, xác minh thì phần đất mà ông Phan T B kiến nghị xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc 1 phần đất công (diện tích sử dụng khoảng 100m²) trong phần đất công là đất nông nghiệp do Ủy ban nhân dân xã NC quản lý theo Quyết định số 535/QĐ.UB ngày 19/9/1996 của Ủy ban nhân dân huyện BL nên yêu cầu này của ông B là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Căn cứ theo quy định của Luật khiếu nại năm 2011, Thông tư 01/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định “quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh”, ngày 11/4/2018 Ủy ban nhân dân xã NC đã trả lời cho ông B về nội dung kiến nghị xin cấp giấy là không có cơ sở.

+ Đối với yêu cầu khởi kiện: “Buộc Ủy ban nhân dân xã NC, huyện BL tiến hành làm thủ tục đề nghị Ủy ban nhân dân huyện BL cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B, Ủy ban nhân dân xã NC có ý kiến như sau: Phần đất mà ông B xin được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc 1 phần đất công (diện tích sử dụng khoảng 100m²) trong phần đất công là đất nông nghiệp do Ủy ban nhân dân xã NC quản lý theo Quyết định số 535/QĐ.UB ngày 19/9/1996 của Ủy ban nhân dân huyện BL. Căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 99 của Luật Đất đai năm 2013 thì trường hợp của ông B không thuộc các trường hợp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 thì trường hợp của ông B thuộc các trường hợp không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chính vì vậy, yêu cầu này của ông B là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Ủy ban nhân dân xã NC xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Luật sư Phạm Thị L bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Phan T B trình bày: Ông B đã khai hoang và sử dụng phần đất này từ 1975, sau đó chủ cũ của khu đất đã yêu cầu nhận lại nhưng sau đó Ủy ban nhân dân huyện đã ra quyết định thu hồi. Gia đình ông B cũng đồng ý chính sách thu hồi đất nhưng Ủy ban nhân dân huyện và gia đình ông B chưa thống nhất được kê hoạch đền bù đất. Mặc dù đất đã bị thu hồi từ năm 1996 nhưng Nhà nước vẫn thu thuế quyền sử dụng đất của ông B đối với phần đất này đến năm 2011. Cần xem lại thủ tục thu hồi đất của Ủy ban nhân dân huyện vì thẩm quyền thu hồi đất là của Ủy ban nhân dân tỉnh LA. Yêu cầu xem xét đền bù cho ông Phan T B. Đồng thời, ông B đã rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc hủy biên bản ngày 11/4/2018 nên đề nghị Hội xét xử xem xét đình chỉ phần này và buộc Ủy ban nhân dân xã NC tiếp nhận đơn yêu cầu cấp giấy chứng nhận để làm thủ tục xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B theo quy định.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL tham gia phiên tòa như sau:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, thực hiện hòa giải, tổng đạt các văn bản tố tụng, xác định quan hệ tranh chấp, người tham gia tố tụng là đúng quy định của Luật tố tụng hành chính; Hội đồng xét xử cũng như Thư ký Tòa án tham gia giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định.

+ Về nội dung:

Xét thấy lời trình bày của những người tham gia tố tụng, các chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì ông B đã sử dụng phần đất này từ năm 1976, ông đã nhiều lần nộp đơn xin cấp giấy chứng nhận nhưng vẫn chưa được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trả lời bằng văn bản, ngày

11/04/2018 ông B nhận được biên bản về việc trả lời của Ủy ban nhân dân xã NC, ông B không đồng ý với biên bản trả lời này và cho rằng quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm nên ông khởi kiện vụ án hành chính vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ông rút yêu cầu hủy hành vi hành chính là biên bản ngày 11/04/2018. Việc ông B rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với yêu cầu Ủy ban nhân dân xã NC có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ xem xét về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông để giải quyết đúng thẩm quyền theo Luật đất đai. Đối chiếu với quy định của Luật đất đai, Luật Khiếu nại tố cáo thì Ủy ban nhân dân xã có nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người dân, đề nghị Ủy ban nhân dân huyện xem xét về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân, nhưng việc Ủy ban nhân dân xã NC không tiếp nhận hồ sơ và có văn bản trả lời cụ thể cho người dân là đã vi phạm quy định của pháp luật nên yêu cầu này của ông B là có cơ sở chấp nhận. Từ các phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 143 Luật tổ tụng hành chính đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông B về việc yêu cầu hủy hành vi là biên bản ngày 11/04/2018; căn cứ Điều 191 Luật tổ tụng hành chính, Luật Đất đai chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông B, buộc Ủy ban nhân dân xã NC, huyện BL căn cứ vào quy định của Luật đất đai, Luật Khiếu nại tố cáo tiếp nhận đơn yêu cầu cấp giấy của ông B và xem xét giải quyết đúng thẩm quyền.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Đơn khởi kiện án hành chính, sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân, giấy ủy quyền, công văn số 484/UBND-TP, công văn số 210/UBND-TMNT, công văn số 1554/UBND-TNMT, phiếu tiếp nhận, giấy mời, giấy giới thiệu, phiếu yêu cầu luật sư, chứng chỉ hành nghề luật sư, thẻ luật sư, biên bản đối thoại không được, biên bản tổng đạt, thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp đối thoại trong vụ án hành chính, quyết định số 535/QĐ.UB, đơn kiến nghị về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, biên bản trả lời đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đơn đề nghị xác nhận, đơn xin xác nhận không thiếu thuế nông nghiệp, biên bản về việc công bố lại quyết định thu hồi đất, đơn xin miễn giảm tiền án phí, tạm ứng án phí trong vụ án hành chính, bản tự khai, đơn khiếu nại, đơn tường trình, biên bản v/v yêu cầu ông Phan T B cung cấp hồ sơ và các tài liệu khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thấy:

[1] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính quy định thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính là 1 năm kể từ ngày nhận hoặc biết được hành vi hành chính. Ngày 11/4/2018, ông B biết được hành vi hành chính nêu trên, đến ngày 31/8/2018, ông B có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh LA là còn thời hiệu khởi kiện đối với hành vi hành chính nêu trên.

[2] Ông Đặng Thanh Phương – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã NC, huyện BL đã có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên căn cứ vào Điều 157 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 xét xử vắng mặt đại diện của người bị kiện.

[3] Về đối tượng khởi kiện:

[3.1] Tại phiên tòa, ông Phan T B yêu cầu rút lại “Hủy hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân xã NC là Biên bản trả lời đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/4/2018” là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ vào Điều 143 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 đình chỉ yêu cầu này của ông B.

[3.2] Xét yêu cầu Ủy ban nhân dân xã NC phải tiến hành làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thấy rằng,

Ngày 21/12/2017, Ủy ban nhân dân xã NC tiếp nhận đơn kiến nghị của ông B, tiến hành xác minh, rà soát thực tế về phần đất ông B yêu cầu cấp giấy chứng nhận là thực hiện theo đúng thẩm quyền của Luật Đất đai năm 2013, Luật Khiếu nại năm 2011 và Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ. Tuy nhiên, sau khi tiến hành xác minh, kiểm tra, rà soát thực tế sử dụng đất, Ủy ban nhân dân xã NC không ban hành văn bản trả lời cho ông B có thuộc trường hợp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hay không mà chỉ có “Biên bản trả lời đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/4/2018” với thành phần gồm ông Đặng Thanh Phương, chức vụ Chủ tịch UBND xã, bà Hoa Thị Mai Lan, chức vụ cán bộ địa chính xã, không ký tên đóng dấu theo quy định về quản lý hành chính Nhà nước mà chỉ có bà Lan ký tên, đóng dấu treo trên góc trái của biên bản là không đúng mặc dù ông Phương với chức vụ chủ tịch xã có quyền đóng dấu cơ quan theo quy định.

Ủy ban nhân dân xã NC cho rằng để giải quyết kiến nghị của ông B nên tiến hành xác minh, rà soát thực tế về phần đất ông B yêu cầu cấp giấy chứng nhận nhưng “Biên bản ngày 11/4/2018” với tiêu đề “*trả lời đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”, đồng thời nội dung Biên bản có đoạn “*Đơn xin cấp giấy của ông B là không có cơ sở để xác cấp giấy cho ông*”. Với khẳng định này của Ủy ban nhân dân xã NC là không đúng quy định tại Điều 105 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 37 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP về thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất Bởi lẽ, Ủy ban nhân dân xã NC không có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận mà thẩm quyền này thuộc về Ủy ban nhân dân huyện BL, tỉnh LA.

Vì vậy, cần buộc Ủy ban nhân dân xã NC thực hiện nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong việc tiếp nhận đơn yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng tài liệu kèm theo để xem xét đề nghị cấp hoặc không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan T B. Do đó, lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL và lời bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông B của Luật sư là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Ủy ban nhân dân xã NC phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại Điều 348 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 3, 143, 143, 191, 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Luật Đất đai năm 2013; Điều 13, 14 Luật Khiếu nại 2011; Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu hỏi kiện của ông Phan T B về hủy hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân xã NC là Biên bản trả lời đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/4/2018.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan T B.

Buộc Ủy ban nhân dân xã NC, huyện BL, tỉnh LA tiếp nhận đơn yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các tài liệu kèm theo để xem xét đề nghị cấp hoặc không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan T B

3. Về án phí: Buộc Ủy ban nhân dân xã NC, huyện BL, tỉnh LA phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm hòa giải thành sung công quỹ Nhà nước.

4. Án xét xử sơ thẩm công khai, đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đối với đương sự có mặt tại phiên tòa và 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh LA xét xử phúc thẩm vụ án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LA;
- VKSND huyện BL;
- Chi cục THADS huyện BL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cảnh